

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRUNG TÂM ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG GIÁNG VIÊN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

=====

**TRỊNH VĂN SÚY**

**CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP**  
**NHÀ NƯỚC CỦA TỈNH THANH HÓA**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC KINH TẾ**

**HÀ NỘI - 2004**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRUNG TÂM ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG GIÁNG VIÊN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

=====

**TRỊNH VĂN SÚY**

**CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP  
NHÀ NƯỚC CỦA TỈNH THANH HÓA**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC KINH TẾ**

**Chuyên ngành**

***Kinh tế chính trị XHCN***

**Mã số:**

**5 02 01**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS Phan Thanh Phố**

**HÀ NỘI – 2004**

## NHỮNG TỪ VIẾT TẮT TRONG LUẬN VĂN

CNXH	: Chủ nghĩa xã hội
CPH	: Cổ phần hóa
CP	: Cổ phần
CTCP	: Công ty cổ phần
CNH, HĐH	: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
CPH DNNN	: Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước
CTTNHH	: Công ty trách nhiệm hữu hạn
DN	: Doanh nghiệp
DNCP	: Doanh nghiệp cổ phần
DNNN	: Doanh nghiệp nhà nước
HĐQT	: Hội đồng quản trị
KTTT	: Kinh tế thị trường
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
TSCĐ	: Tài sản cố định
TSLĐ	: Tài sản lưu động
TTCK	: Thị trường chứng khoán
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TBCN	: Tư bản chủ nghĩa
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

# MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<b>Mở đầu</b> .....	1
<b>Chương 1: Lý luận và kinh nghiệm chung về cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước</b> .....	5
1.1. Khái niệm và tính tất yếu khách quan về cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước .....	5
1.2. Quan điểm của Đảng ta về cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước .....	18
1.3. Một số kinh nghiệm chung về cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước ở nước ta và một số địa phương .....	22
<b>Chương 2: Thực trạng cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước của tỉnh Thanh Hoá thời gian qua</b> .....	29
2.1. Tình hình thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước ở tỉnh Thanh Hóa .....	29
2.2. Đánh giá chung và những vấn đề bức xúc đặt ra .....	50
<b>Chương 3: Phương hướng giải pháp cơ bản đẩy mạnh cổ phần hóa và hậu cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước của tỉnh Thanh Hóa thời gian tới</b> .....	54
3.1. Phương hướng .....	54
3.2. Những giải pháp cơ bản, đẩy mạnh cổ phần hóa, hậu cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước của tỉnh Thanh Hóa trong thời gian tới .....	59
<b>Kết luận</b> .....	83
<b>Danh mục tài liệu tham khảo</b> .....	85
<b>Phụ lục</b> .....	88

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Hơn một thập kỷ tổ chức triển khai thực hiện chủ trương cổ phần hóa DNNN, một vấn đề kinh tế - xã hội nhạy cảm, thu hút sự chú ý của nhiều nhà nghiên cứu và hoạt động thực tiễn, một vấn đề cho đến nay vẫn còn khá mới mẻ, thực hiện chưa nhiều và tốc độ còn quá chậm đối với nước ta.

Ở Thanh Hóa, cấp Ủy Đảng, Chính quyền bước đầu đã quán triệt các Chỉ thị của Trung ương và của Chính phủ về cổ phần hóa DNNN và cho đến nay qua triển khai thực hiện bước đầu đã thu được những kết quả nhất định. Tính đến 31 tháng 12 năm 2003 đã cổ phần hóa được 60 DNNN, nhiều doanh nghiệp sau cổ phần hóa hoạt động sản xuất kinh doanh có tiến bộ. Song vẫn còn một số hạn chế như: tiến độ CPH còn chậm, các mục tiêu chủ yếu của CPH đạt còn thấp, việc xác định giá trị doanh nghiệp trước khi CPH có chỗ chưa hợp lý, còn lúng túng trong việc xây dựng chiến lược sản phẩm và chiến lược phát triển doanh nghiệp, v.v. Những hạn chế này cần có lời giải thỏa đáng trên cả 2 mặt lý luận và thực tiễn. Nghiên cứu đề tài: “Cổ phần hóa DNNN của Thanh Hóa”, làm luận văn thạc sĩ kinh tế, chuyên ngành kinh tế chính trị, mã số 5.02. 01 của tác giả là trên ý nghĩa đó.

## 2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Cổ phần hoá DNNN, một vấn đề kinh tế – xã hội đã và đang thu hút sự chú ý của nhiều nhà nghiên cứu và hoạt động thực tiễn. Đã có khá nhiều công trình nghiên cứu khoa học và những bài viết xoay xung quanh vấn đề cổ phần hóa DNNN. Chẳng hạn:

- “Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam” của PGS – PTS Hoàng Công Thi và PTS Phùng Thị Đoàn, thông tin chuyên đề, Viện Khoa học Tài chính, Bộ Tài chính, xuất bản năm 1992;

- Những vấn đề lý luận và thực tiễn của cổ phần hóa khu vực kinh tế quốc

doanh”. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, mã số 91-98 – 017 của Ủy Ban Vật giá Nhà nước, Hà Nội 1992;

- “*Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn*” của PTS Nguyễn Ngọc Quang;

- “*Góp ý kiến về chính sách đối với người lao động khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước*” của PTS. Đặng Quang Diệu, kinh tế dự báo tháng 2/1998;

- “*Phân vân khi mua cổ phần*” của Nguyễn Hoàng, Thời báo kinh tế Việt Nam, số 6, ngày 21/1/1998;

- “*Một số vấn đề lý luận về công ty cổ phần và vận dụng vào Việt Nam*” - Luận án tiến sĩ kinh tế của Đặng Thị Cẩm Thúy- năm 1999.

-- “*Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam*” - Luận án tiến sĩ kinh tế của Nguyễn Thị Thơm- năm 1999.

- “*Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước: mấy vấn đề lý luận và thực tiễn*” của Nguyễn Minh Thông – Phó chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Tạp chí cộng sản, số 16, tháng 6/2002...

Các công trình nói trên đã nghiên cứu và luận giải được những vấn đề cơ bản, có tính chuyên biệt về cổ phần hóa DNNN ở bình diện chung.

Ở Thanh Hóa, các nhà khoa học và các nhà hoạt động thực tiễn của tỉnh những năm qua cũng đã có những công trình nghiên cứu, nhằm vận dụng và lý giải các vấn đề thực tiễn để thúc đẩy tiến độ cổ phần hóa DNNN của tỉnh. Song chưa có công trình nào trình bày một cách hệ thống từ thực trạng đến định hướng giải pháp của vấn đề cổ phần hóa DNNN ở Thanh Hóa một cách chuyên biệt. Vì vậy trên cơ sở kế thừa có chọn lọc, luận văn tiếp tục phân tích, luận giải nhằm góp phần làm sáng tỏ thêm những vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra về cổ phần hóa DNNN ở Thanh Hóa hiện nay.

### **3- Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài:**

#### ***Mục đích:***

Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn, kinh nghiệm ở một số tỉnh khác ở nước ta về cổ phần hóa DNNN, từ đó đề xuất phương hướng và giải pháp tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện cổ phần hóa DNNN ở Thanh Hóa trong thời gian tới.

***Nhiệm vụ:***

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

- Đánh giá kết quả và thực trạng cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Thanh Hóa; khảo sát một số doanh nghiệp đã cổ phần hóa để rút ra nguyên nhân thành công, những hạn chế vướng mắc cần được giải quyết.

- Phân tích những quan điểm có tính nguyên tắc và đề xuất các giải pháp cơ bản nhằm đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa DNNN của Thanh Hóa những năm tới.

**4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:**

- Luận văn lấy việc cổ phần hóa DNNN, một trong các biện pháp sắp xếp, củng cố và đổi mới DNNN – làm đối tượng nghiên cứu.

- Về phạm vi nghiên cứu: Luận văn chỉ nghiên cứu các DNNN mà Nhà nước không cần nắm 100% vốn của Thanh Hóa.

- Về thời gian: Nghiên cứu từ khi có chủ trương cổ phần hóa DNNN đến nay.

**5. Phương pháp nghiên cứu:**

Luận văn lấy chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử làm phương pháp luận chung. Đặc biệt chú trọng sử dụng các phương pháp đặc trưng của kinh tế chính trị, phương pháp trừu tượng hóa. Ngoài ra còn sử dụng các phương pháp khác như: thống kê, định lượng, so sánh; phương pháp mô hình, điều tra v.v...

**6- Đóng góp mới và ý nghĩa của luận văn**

- Làm rõ thêm tính tất yếu khách quan của cổ phần hóa, nhất là đối với

các DNNN của tỉnh Thanh Hóa.

- Thông qua phân tích đưa ra những đánh giá có căn cứ lý luận và phù hợp với thực tiễn ở Thanh Hóa.

- Đề xuất những phương hướng có tính nguyên tắc và giải pháp tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hóa DNNN ở Thanh Hóa trong thời gian tới.

Kết quả của luận văn có ý nghĩa:

- Góp thêm luận chứng khoa học cho việc hoàn thiện chủ trương cổ phần hóa DNNN trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

### **6- Kết cấu luận văn**

Luận văn ngoài mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung được chia thành 3 chương với 7 tiết.



# Chương 1

## LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CHUNG

### VỀ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

#### 1.1. KHÁI NIỆM VÀ TÍNH TẤT YẾU KHÁCH QUAN CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC.

##### 1.1.1. Một số khái niệm cơ bản

###### □ Công ty cổ phần

Công ty cổ phần, một khái niệm xuất hiện khá lâu trong lịch sử và mang tính phổ biến hiện nay. Do vậy, mặc dù, còn có một vài quan niệm hoặc khía cạnh khác nhau nào đó về khái niệm CTCP, đó cũng là lẽ bình thường.

Theo tôi, có thể hiểu: *CTCP là loại công ty đối vốn được hình thành trên cơ sở liên hợp nhiều vốn cá biệt bằng cách phát hành và bán cổ phiếu; những người góp vốn bằng cách mua cổ phiếu do công ty phát hành là những cổ đông.* Thực chất CTCP là một loại hình tổ chức doanh nghiệp trong đó các thành viên cùng góp vốn để sản xuất kinh doanh, cùng hưởng lợi nhuận và chịu rủi ro tương ứng với phần vốn góp khi công ty thua lỗ .

Công ty cổ phần xuất hiện đầu tiên ở các nước Tây Âu. Đến nay CTCP đã phát triển qua 3 giai đoạn và đang ở giai đoạn thứ tư.

*Giai đoạn 1:* Từ đầu thế kỷ XVI đến cuối thế kỷ XVIII, giai đoạn này đã hình thành các công ty đầu tiên trong lĩnh vực lưu thông ở nước Anh, Hà Lan và một số nước Tây Âu khác.

*Giai đoạn 2:* Từ cuối thế kỷ XVIII đến cuối thế kỷ XIX giai đoạn này các CTCP đã phát triển mạnh mẽ sang cả các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, nông nghiệp.

*Giai đoạn 3:* Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, giai đoạn này CTCP tiếp tục phát triển mạnh mẽ và sâu rộng: đến những thập niên cuối của thế kỷ XX: 21% dân cư Thụy Điển có cổ phần; gần 40 triệu người nước Mỹ, trong đó có khoảng 12 triệu người lao động làm thuê có cổ phần... đến cuối

thập niên 80 của thế kỷ XX nước Mỹ có khoảng 10.000 CTCP, trong đó công nhân có từ 1 – 10% tư bản cổ phần [6, 83, 84].

Cùng với sự phát triển của CTCP qua các giai đoạn cho thấy sự ra đời và phát triển của CTCP không phải là ngẫu nhiên mà là kết quả của *trình độ phát triển xã hội hoá sản xuất*, là kết quả của quá trình giải quyết *mâu thuẫn* giữa nhu cầu tập trung vốn với quy mô lớn trong một thời gian ngắn để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất với sự hạn chế của tích tụ vốn trong từng xí nghiệp riêng lẻ.

Trong lịch sử cho đến nay, có 3 con đường chính để hình thành CTCP:

*Thứ nhất:* Phát triển theo con đường truyền thống bằng sự liên kết các tư bản riêng lẻ, các nguồn vốn nhàn rỗi trong dân cư và sự liên kết giữa các công ty tư nhân do nhu cầu tăng vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh, từ đó hình thành nên các công ty cổ phần.

*Thứ hai:* Do sự liên doanh, liên kết giữa tư bản trong và ngoài nước. Chẳng hạn, CTCP liên quốc gia giữa nước Anh và nước Pháp trong việc xây dựng đường sắt (1860 – 1880) hoặc việc sản xuất máy bay Boeing của Mỹ đã phải huy động tới 65 công ty của trên 30 nước, đặc biệt với xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế hiện nay sự liên kết tư bản quốc tế đã không còn dừng lại ở phạm vi tư bản tư nhân và các tổ chức độc quyền với nhau mà còn có sự tham gia của các Chính phủ, giữa các nước với nhau. Theo số liệu thống kê của UNCTAD đến nay, trên thế giới có khoảng 60 nghìn CTCP tồn tại dưới hình thức Tập đoàn kinh tế. Trong lĩnh vực công nghiệp trên thế giới có khoảng 2000 công ty độc quyền thu hút khoảng 33 triệu lao động làm thuê, kiểm soát khoảng 40% sản lượng công nghiệp thế giới; 60% ngoại thương và khoảng 80 - 85% kỹ thuật mới của thế giới.

*Thứ ba:* Do cổ phần hóa doanh nghiệp hoặc một phần doanh nghiệp nhà nước. Vào nửa đầu thế kỷ XX, cùng với các thành tựu mới của khoa học kỹ

thuật và sự xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất mới đã xuất hiện những doanh nghiệp nhà nước đóng vai trò là đầu tàu, là công cụ điều tiết kinh tế của các nhà nước xong sau một thời gian tồn tại và hoạt động, các doanh nghiệp nhà nước nhìn chung làm ăn kém hiệu quả.

Chẳng hạn, ở Italia là nước có tỷ trọng sở hữu nhà nước trong nền kinh tế cao nhất thì thâm hụt của DNNN là 4,5% GDP; Bồ Đào Nha khu vực kinh tế quốc doanh thua lỗ là 1/3 GDP trong suốt thời gian từ 1974 - 1986 [28] các nước tư bản khác đều có hiện tượng tương tự. Vì vậy từ những năm 80 của thế kỷ XX lại đây ở khắp các nước trên thế giới đã diễn ra quá trình tư nhân hóa và cổ phần hóa các DNNN. Đến nay đã có hơn 80 nước đang phát triển thuộc mọi hệ tư tưởng chính trị khác nhau đã tiến hành cổ phần hóa rất tích cực. Có thể nói cổ phần hóa là một trong những nội dung chủ yếu của công cuộc cải cách DNNN nói riêng và cải cách kinh tế nói chung ở các nước đang phát triển. Trong năm 1997 Đài Loan đã tiến hành cổ phần hóa một số DNNN trong các ngành công nghiệp và nông nghiệp. Malayxia nhà nước đã nhượng nhiều cổ phần chủ yếu trong 29 doanh nghiệp tại thị trường Kulalumpua và năm 1990 nhà nước đã mở cửa cho tư nhân hóa tham gia đến 30% cổ phần trong ngân hàng quốc gia.

Đối với nước ta, những năm qua trong từng bước đẩy mạnh hình thành CTCP theo cả 3 con đường trên, trong đó cổ phần hóa DNNN đã và đang được Đảng, nhà nước quan tâm chỉ đạo, cổ phần hóa được coi là trung tâm của quá trình cải cách và cấu trúc lại DNNN.

Như vậy, tuy có nhiều con đường hình thành CTCP, song thực chất của CTCP là sự chuyển sở hữu tư nhân thành sở hữu tập thể của các cổ đông, đó là sự phát triển tất yếu. Đúng như Các Mác đã khẳng định: “Sự xuất hiện CTCP là kết quả của sự phát triển của lực lượng sản xuất và là bước quá độ từ sở hữu tư nhân lên sở hữu tập thể của các cổ đông”. [ 22 ]

### □ **Khái niệm doanh nghiệp Nhà nước**

DNNN là hình thức doanh nghiệp do nhà nước lập ra đầu tư vốn và quản lý vốn với tư cách sở hữu đồng thời là pháp nhân kinh tế, hoạt động theo pháp luật và bình đẳng trước pháp luật. Hoạt động theo định hướng của nhà nước để thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội do nhà nước giao.

Theo ND 388, ngày 20 tháng 11 năm 1991 của HĐBT, nay là Chính phủ, DNNN là tổ chức kinh doanh do nhà nước thành lập, đầu tư vốn và quản lý với tư cách chủ sở hữu.

Luật doanh nghiệp (sửa đổi) cũng đã khẳng định “DNNN là tổ chức kinh tế do nhà nước đầu tư vốn thành lập và tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động công ích, nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội do nhà nước giao”.

Như vậy, *DNNN là doanh nghiệp do nhà nước thành lập, đầu tư vốn và quản lý với tư cách chủ sở hữu*, có 2 loại: các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thu lợi nhuận và các doanh nghiệp hoạt động nhằm mục đích công ích, thực hiện các chính sách xã hội của nhà nước hoặc phục vụ Quốc phòng an ninh.

### □ **Khái niệm cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước**

Để có nhận thức đúng về khái niệm cổ phần hoá DNNN, cần có sự phân biệt giữa 2 khái niệm tư nhân hóa và cổ phần hóa.

Trước hết về mặt phương pháp luận để nhận thức đúng các khái niệm nói trên không được tách rời mà phải gắn liền với đối tượng cần được giải quyết là DNNN ở các nước trên thế giới trong đó, có nước ta. Từ phương pháp luận đó, có thể hiểu:

*Tư nhân hóa* là quá trình chuyển sở hữu nhà nước sang sở hữu tư nhân, đồng thời chuyển hóa lĩnh vực sản xuất kinh doanh từ độc quyền của nhà nước cho tư nhân và do tư nhân đảm nhiệm.

*Cổ phần hóa DNNN về thực chất là là phương thức thực hiện xã hội hóa sở hữu về vốn theo hướng chuyển sở hữu nhà nước trong DNNN thành công ty cổ phần của nhiều chủ sở hữu để tạo vốn thông qua phát hành và mua bán cổ phiếu nhằm tạo ra một mô hình doanh nghiệp phù hợp với nền kinh tế thị trường, có sức cạnh tranh, sản xuất kinh doanh có hiệu quả đáp ứng được yêu cầu phát triển doanh nghiệp bền vững phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.*

Cổ phần hóa và tư nhân hóa có liên quan đến hình thức sở hữu nhà nước về vốn trước và sau CPH hay tư nhân hóa. Song cổ phần hóa và tư nhân hóa là hai khái niệm có sự khác nhau nhất định:

- *Về pháp lý:* Cổ phần hóa DNNN là chuyển doanh nghiệp sở hữu vốn từ một chủ là nhà nước sang sở hữu vốn của nhiều chủ là các cổ đông. Còn tư nhân hóa là chuyển doanh nghiệp sở hữu vốn một chủ là nhà nước sang doanh nghiệp một chủ sở hữu là tư nhân. Về mặt lý luận cũng như thực tiễn đã chứng minh rằng: Nếu doanh nghiệp chỉ thuộc quyền sở hữu một chủ thì phát sinh hiện tượng độc quyền, lũng đoạn (đối với sở hữu tư nhân) hoặc độc quyền, cửa quyền, tiêu cực, kém hiệu quả (đối với sở hữu nhà nước).

- *Về cơ chế quản lý:* Cơ chế quản lý một chủ (tư nhân) thường kéo theo sự độc đoán, chủ quan, tùy tiện, những khuyết tật đó vừa không phù hợp với cơ chế thị trường vừa trái với định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng và Nhà nước ta. Trái lại, cơ chế quản lý của CTCP do Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm, giám đốc chỉ là người thừa lệnh thay mặt Hội đồng Quản trị để điều hành sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần theo các chiến lược và chương trình của Hội đồng quản trị nên vừa phù hợp với cơ chế thị trường vừa đảm bảo phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng và Nhà nước.

- *Về tài chính:* Doanh nghiệp tư nhân luôn hạn chế về việc huy động vốn, sử dụng vốn không hiệu quả và quản lý thiếu chặt chẽ, còn việc quản lý

tài chính của CTCP do bản chất của nó, nên việc quản lý tài chính có điều kiện diễn ra chặt chẽ và hiệu quả hơn. Hơn thế trong cổ phần hóa DNNN, Nhà nước có thể là cổ đông có thị phần vốn khống chế, hoặc cũng có thể không còn là cổ đông, song dù trong trường hợp nào, các công ty cổ phần sau cổ phần hóa DNNN vẫn không thể trở thành doanh nghiệp tư nhân. Vì trong quá trình cổ phần hóa, tài sản của DNNN được bán cho nhiều đối tượng cổ đông khác nhau, nên thuộc sở hữu của nhiều chủ khác nhau và nguồn vốn góp không do từng cá nhân sử dụng mà được sử dụng mang tính chất chung của CTCP.

Như vậy, hình thức sở hữu tại các doanh nghiệp sau cổ phần hóa chính là sự chuyển từ sở hữu nhà nước duy nhất sang sở hữu tập thể của các cổ đông. Còn tư nhân hóa thì DNNN sau tư nhân hóa sẽ tạo ra chủ sở hữu mới là tư nhân và DNNN thành doanh nghiệp tư nhân và cổ phần hoá và tư nhân hóa chỉ là một khi cổ phần hóa DNNN được thực hiện bằng hình thức bán toàn bộ số cổ phần của doanh nghiệp cho một cá nhân. Đó chính là sự khác nhau căn bản giữa cổ phần hóa và tư nhân hóa. Sự khác nhau này có ý nghĩa chính trị - xã hội to lớn vì một DNNN trở thành một CTCP hoặc một doanh nghiệp tập thể sẽ làm cho sức mạnh và khả năng phát triển của nó lớn hơn nhiều so với doanh nghiệp tư nhân. Do vậy, tính xã hội và tính nhân văn trong hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của các công ty cổ phần cũng cao hơn nhiều so với doanh nghiệp tư nhân. Từ sự thay đổi sở hữu sẽ dẫn đến sự thay đổi về hình thức tổ chức, quản lý cũng như phương thức hoạt động của doanh nghiệp. DNNN sau khi tư nhân hóa sẽ trở thành doanh nghiệp tư nhân và hoạt động theo một doanh nghiệp tư nhân, còn DNNN sau cổ phần hóa sẽ trở thành CTCP có điều lệ và có thể thức hoạt động theo cơ chế của công ty cổ phần.

*Sau cổ phần hóa DNNN, các công ty cổ phần sẽ có các dạng cơ bản sau.*

+ Công ty cổ phần mà nhà nước là cổ đông có thị phần vốn chi phối, hay thị phần vốn đặc biệt. Ở đây nhà nước là một cổ đông có ưu thế và chi phối được công ty và các cổ đông khác. (Thường vốn của nhà nước ở các doanh nghiệp này là 51% tổng số vốn của doanh nghiệp hoặc cổ phần của nhà nước ít nhất gấp hai lần cổ phần của cổ đông lớn nhất khác trong CTCP).

+ Công ty cổ phần mà nhà nước là cổ đông có thị phần vốn thông thường, nghĩa là nhà nước chỉ chiếm một lượng vốn nào đó để hưởng lợi tức không có giá trị chi phối, đặc biệt.

+ Công ty cổ phần mà nhà nước không có thị phần vốn, ở đây về hình thức sở hữu đã biến đổi từ sở hữu nhà nước sang sở hữu tập thể của các cổ đông

- Căn cứ tính chất sở hữu về vốn của cổ đông, có các dạng công ty cổ phần như:

+ Công ty cổ phần tư bản tư nhân. Loại công ty này dựa trên hình thức sở hữu tư nhân TBCN về vốn và dựa trên lao động làm thuê.

+ Công ty cổ phần hợp tác xã (HTX) được hình thành từ việc bán DNNN cho tập thể người lao động của doanh nghiệp, cổ đông đồng thời cũng là người lao động trực tiếp nên thu nhập của họ gồm hai phần: phần hưởng theo công lao động (tiền lương) và phần lãi cổ phần (gọi là cổ tức). Loại công ty cổ phần này người lao động đã là chủ thực sự tránh được “tình trạng tài sản của nhà nước không có người làm chủ trực tiếp” [4] , có tác dụng ngăn chặn từ gốc tệ tham nhũng, thiếu trách nhiệm làm thất thoát tài sản công như trước đây của một số DNNN. Dạng công ty cổ phần này cần có sự quan tâm hỗ trợ của nhà nước về cơ chế, chính sách.

+ Công ty tư bản - nhà nước, là sự hợp doanh hoặc liên doanh liên kết giữa nhà nước với các nhà tư bản trong hoặc ngoài nước. Công ty này có vai trò, tác dụng to lớn đối với các nước đang phát triển nói chung và ở nước ta

nói riêng, vì một mặt nhà nước vẫn giữ được sự kiểm soát công ty, mặt khác lại tranh thủ được nguồn ngoại lực góp phần thúc đẩy CNH, HĐH đất nước và tăng trưởng kinh tế.

TaiLieu.vn



## ***1.1.2. Thiên hướng hình thành DNNN và tính tất yếu khách quan cổ phần hoá DNNN***

### ***1.1.2.1- Thiên hướng hình thành DNNN***

Trong lịch sử phát triển thế giới đã tồn tại hai thiên hướng khác nhau đối với sự hình thành và tồn tại các DNNN.

- Thiên hướng thứ nhất là xây dựng nền kinh tế chủ yếu dựa vào các DNNN mà nguyên nhân do quá đề cao vai trò nhà nước trong quản lý kinh tế quốc dân, nhiều nước đã cường điệu khả năng và sức mạnh của kinh tế nhà nước trong phát triển kinh tế nên đã phát triển quá mức quy mô và tốc độ xây dựng DNNN. Thiên hướng này, một thời các DNNN đã góp phần không nhỏ đối với việc đáp ứng được các mặt hàng và dịch vụ thiết yếu cho nhân dân, làm tròn được nhiệm vụ đặc biệt đối với quốc phòng - an ninh. Song DNNN ở các nước này đều có một căn bệnh chung là: hiệu quả lợi ích kinh tế thấp nhiều so với các công ty tư nhân. Theo điều tra của ngân hàng thế giới vào những năm 80 của thế kỷ XX. Trong 244 DNNN của Tây Ban Nha thì gần 200 doanh nghiệp bị thua lỗ, hầu hết các DNNN của Bồ Đào Nha đều thu không đủ chi, trong đó có nhiều doanh nghiệp bên bờ vực phá sản.

Để duy trì DNNN, các chính phủ đều phải bù lỗ từ ngân sách nhà nước. Đó là nguyên nhân chính dẫn đến thâm thủng ngân sách ở các nước đi theo thiên hướng này.

- Thiên hướng thứ hai, một số nước lại quá tin tưởng vào sự điều tiết của “bàn tay vô hình” sự tự điều tiết của thị trường, xem nhẹ vai trò của Nhà nước và kinh tế nhà nước, từ đó muốn tư nhân hoá hoàn toàn DNNN. Thiên hướng này, dựa trên cơ sở lợi dụng những mặt tích cực, có khả năng tự điều chỉnh của cung cầu, điều phối các yếu tố sản xuất, kích thích tiến bộ kỹ thuật thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển cả chiều rộng và chiều sâu tạo điều kiện cho các nền kinh tế có thể tăng tốc nhanh và cất

cánh. Nhưng thiên hướng này không thấy rằng kinh tế thị trường cũng mang trong mình nó những khuyết tật như: tính tự phát, bất ổn định, chạy theo lợi nhuận thuần túy, là nguyên nhân của những tiêu cực như: làm hàng giả, lừa dối, trốn thuế, và các hiện tượng kinh tế khác. Cũng vì lợi nhuận các doanh nghiệp đã lao vào cạnh tranh để săn tìm lợi nhuận cao nên ít quan tâm tới những ngành nghề không có lợi nhuận hoặc lợi nhuận thấp gây ra sự mất cân đối khủng hoảng, thất nghiệp, phân hóa giàu nghèo quá đáng v.v...

Lý luận và thực tiễn cho thấy Nhà nước nào hoàn toàn đi theo lý thuyết “Bàn tay vô hình”, đặt sự phát triển của nền kinh tế thuần túy trên cơ sở kinh tế thị trường và khu vực kinh tế tư nhân, xem nhẹ vai trò quản lý kinh tế của nhà nước và kinh tế nhà nước, sẽ làm cho nền kinh tế không thể tăng trưởng và phát triển bền vững, sớm muộn sẽ rơi vào khủng hoảng dẫn đến mất ổn định chính trị, xã hội. Ngược lại, nếu chỉ dựa hoàn toàn vào khu vực kinh tế nhà nước và vai trò quản lý kinh tế của nhà nước, xem nhẹ thị trường và khu vực kinh tế tư nhân, sẽ làm mất đi động lực, nền kinh tế không sống động, kìm hãm tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Sau những thành công và thất bại, cho đến nay hầu hết ở các nước nghiêng về xu hướng xây dựng mô hình kinh tế hỗn hợp, trong đó kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân, cơ chế thị trường và các công cụ điều tiết của nhà nước như: kế hoạch, pháp luật, các đòn bẩy kinh tế... đều được coi trọng.

Để khắc phục những hạn chế cố hữu, kinh doanh kém hiệu quả của các DNNN, xu hướng chung của các nước là thực hiện tư nhân hóa các DNNN trong đó có CPH.

Ở Việt Nam, doanh nghiệp quốc doanh trước đây (nay là DNNN, một bộ của kinh tế nhà nước) ra đời và phát triển trong bối cảnh các nước XHCN trước đây đã thực thi mô hình kinh tế kế hoạch hóa chỉ huy dựa trên nền tảng công hữu XHCN về tư liệu sản xuất vận động theo cơ chế bao cấp, nên khi chuyển sang kinh tế thị trường định hướng XHCN nhiều DNNN khó thích

nghi, đã bộc lộ những hạn chế và bất cập. Có nhiều nguyên nhân song nguyên nhân cơ bản là do trong nhận thức có sự ngộ nhận cho rằng xây dựng DNNN càng nhiều, thì càng nhanh đến mục tiêu của CNXH. Do chạy theo số lượng, nhiều DNNN ra đời khi chưa hội đủ các điều kiện cần thiết, hình thành DNNN một cách ồ ạt, dẫn đến những năm đầu của thập kỷ 90 của thế kỷ XX, số lượng DNNN phát triển quá nhiều. Theo đánh giá của nhiều tài liệu khác nhau, năm 1991 trên phạm vi cả nước số DNNN sản xuất kinh doanh có lãi chỉ chiếm khoảng 20 - 25%, số xí nghiệp thua lỗ cần giải thể khoảng 30 - 35%, số còn lại đang gặp nhiều khó khăn về tài chính và thị trường. Tình trạng chiếm dụng vốn lẫn nhau trở thành phổ biến, nợ và khả năng mất vốn của các DNNN ngày càng tăng.

Sau nhiều năm đổi mới, tổ chức, sắp xếp lại, theo thống kê cho đến nay nước ta còn khoảng 5000 DNNN, đang nắm giữ những ngành nghề, những lĩnh vực then chốt là xương sống của nền kinh tế. Một số doanh nghiệp đã chú trọng đổi mới thiết bị, tích cực ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nâng cao được chất lượng và hiệu quả tăng thu nhập cho người lao động, đã thực hiện được một số nhiệm vụ kinh tế xã hội cơ bản, đóng góp một phần quan trọng vào ngân sách nhà nước, góp phần không nhỏ vào việc khắc phục sự mất cân đối, giảm bớt sự lệ thuộc với bên ngoài, giải quyết được khoảng 1,8 triệu lao động. Tuy vậy, việc củng cố, sắp xếp, đổi mới DNNN chưa tương xứng với yêu cầu đặt ra. Nhìn chung hiệu quả kinh tế - xã hội của nhiều DNNN chưa cao, không ít DNNN còn yếu kém bất cập, sản xuất kinh doanh thua lỗ.

Để DNNN có thể đứng vững trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, phải tiếp tục tổ chức sắp xếp lại DNNN với nhiều hình thức trong đó có chủ trương đẩy mạnh CPH DNNN.

#### *1.1.2.2. Cổ phần hóa DNNN là một tất yếu khách quan*

*Một là:* CPH DNNN đáp ứng yêu cầu của quy luật quan hệ sản xuất phải phù

hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Ở nước ta, CPH DNNN thực chất là thực hiện xã hội hoá sở hữu về vốn nhằm tạo ra các hình thức sở hữu phù hợp với đặc điểm nền kinh tế tồn tại nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Nói cách khác, CPH DNNN là bắt nguồn từ yêu cầu hoàn thiện quan hệ sản xuất cho phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, nhằm thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, phát huy các nguồn lực trong và ngoài nước, không ngừng nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của DNNN

*Hai là:* Cổ phần hoá DNNN là do yêu cầu nội tại của bản thân các DNNN.

Muốn đứng vững và chiến thắng trong cạnh tranh trên thương trường trong nước và thế giới phải xác định đúng chiến lược sản xuất kinh doanh, chiến lược đầu tư, chiến lược sản phẩm của từng doanh nghiệp, phải đẩy mạnh liên doanh, liên kết, chủ động tìm kiếm thị trường sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, không ngừng đổi mới trang thiết bị hiện đại, tạo ra bước đột phá về chất lượng, giảm giá thành sản xuất, cải tiến mẫu mã đáp ứng ngày càng cao thị hiếu người tiêu dùng. Muốn vậy, phải chuyển đổi DNNN thành CTCP, chính cổ phần hoá DNNN nó sẽ tạo ra được bước đột phá đảm bảo cho các DNNN có điều kiện phát triển hơn so với trước ngày CPH DNNN.

*Ba là:* CPH DNNN đáp ứng yêu cầu của việc sử dụng vốn nhà nước phù hợp hơn, hiệu quả hơn. Mục đích chung nhất của CPH DNNN là tối ưu hóa việc bố trí vốn nhà nước trên thương trường sao cho: với một lượng vốn ít nhất của ngân sách nhà nước nhưng lại tạo ra được vị thế tối đa cho sự hiện diện của vốn nhà nước trong hệ thống các doanh nghiệp của các thành phần kinh tế để nhà nước tác động vào nền kinh tế có hiệu quả nhất. Điều đó chỉ có thể đạt được thông qua CPH DNNN, vì CPH DNNN vừa đạt được mục đích giải phóng vốn nhà nước ra khỏi một số ngành lĩnh vực mà nhà nước không